

Nguyễn Trung Trực

Người Khí Phách Một Đời Anh Hùng

(Theo Ly Châu Lý Minh Hào)

Đến nay, phần tài liệu để tìm hiểu về tiểu sử, thân thế ông Nguyễn Trung Trực cũng còn tản lạc và chưa đầy đủ. Lý do dễ hiểu là chính quyền thực dân Pháp đã áp dụng sách lược "nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc," ngay cả phần mộ chôn cất thân xác vị anh hùng chính người địa phương cũng chưa tường tận.

Theo một nguồn sử liệu, ông Nguyễn Trung Trực sinh trưởng tại một xóm chài lưới có tên là Xóm Nghè, Bến Lức, Long An. Từ thuở thiếu thời, thường được gọi thân mật là "Cậu Năm Lịch" hoặc "anh chài Lịch" đã ham học võ, lớn lên nổi tiếng là trang thanh niên tuấn tú, võ nghệ cao cường, hào khí hun đúc tâm can, thiên khiếu quân sự thăng hoa phát tiết. Khởi đầu sự nghiệp, ông tham gia lực lượng kháng chiến của Quân Cơ Trương Công Định và được sung chức Quản Binh, chỉ huy nghĩa binh hoạt động ở vùng Cần Đước, Cần Giuộc thuộc Long An. Cũng cần trình bày thêm, vì nhận sự phong quan của triều đình thời vua Tự Đức, Trương Công Định nhiều phen đã phải phụng mệnh vua, và theo lệnh triều đình Huế đang trong thời kỳ thương thuyết với người Pháp. Tình thế luẩn quẩn "khi đánh, khi đàm" đã làm suy giảm đáng kể tiềm lực kháng chiến và nhuệ khí nghĩa quân. Trước khi nói về sự nghiệp kháng chiến của vị anh hùng họ Nguyễn, qua hai chiến công lẫy lừng là "Hỏa Nhựt Tảo Thuyền" và "Đò Kiên Giang Lũy,".

Trong khí thế chống giặc ngoại xâm của sĩ phu và dân chúng miền Nam, ông Nguyễn Trung Trực đã ráo riết bố trí quân bị, tung ra những trận đánh du kích tại Tân An, vùng đất "mở đường" cho sự nghiệp thiên niên sử xanh của ông về sau.

Địa bàn hoạt động của lực lượng kháng chiến trong gần ba năm từ 1860 đến 1862 là vùng Tân An, Định Tường, Biên Hòa. Các địa danh Thủ Thừa, Bến Lức, Bình Trinh, Nhựt Tảo (Tân An); Vũng Gò (Định Tường); Tân Uyên, Phước Lý, Long Thành (Biên Hòa) đã khiến tiếng tăm ông lẫy lừng. Trận đánh hỏa công đốt tàu chiến Pháp *Espérance* trên sông Nhựt Tảo khiến đất trời cũng muốn nổ tung: *Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa*. Theo một nguồn sử liệu dân gian nhiều người biết khi tả về chiến tích *Hỏa Nhựt Tảo Thuyền* của ông Nguyễn Trung Trực thì làng Nhựt Tảo nằm trên một vùng đồng ruộng bao la, mới sáng tinh sương đã nhìn thấy ánh mặt trời nên được gọi là Nhựt Tảo, nghĩa là "mặt trời mọc sớm". Giữa thế kỷ thứ 19, Nhựt Tảo là vùng đất mới được ông Hồ Văn Chương đến khai phá lập nghiệp theo chương trình khai hoang của triều Nguyễn. Nhờ quy tụ được đông dân cư lập thành thôn ấp, ông Hồ Văn Chương được triều đình Nguyễn phong cho chức Suất Đội Trưởng, con cháu kế truyền làm "chủ chợ qua việc thu thuế chợ lấy tiền làm ngân sách địa phương". Dòng dõi họ Hồ thống lãnh cả vùng và đều là hương chức địa phương. Lúc bấy giờ, ông Hồ Quang Minh làm cai Tổng, tuy hợp tác với chính quyền Pháp ngoài mặt nhưng vẫn căm thù giặc. Cảm khái tấm lòng ái quốc của ông Nguyễn Trung Trực, gia đình ông Cai Tổng đã mạnh dạn hợp tác với nghĩa quân, lập kế đồ đánh phá lực lượng quân Pháp. Mục tiêu là chiến thuyền *Espérance* đóng án ngữ trên sông Vàm Cỏ Đông thuộc làng Nhựt Tảo, một thủy lộ và một địa điểm vô cùng xung yếu về mặt quân sự. Chiến thuyền *Espérance* được coi như một "căn cứ nổi" rất lợi hại trên nhiều mặt: đóng vai trò một thành lũy bố phòng; một pháo đài để tấn công và yểm trợ; một phương tiện di động để điều động và vận chuyển binh lính, quân nhu, lại được sử dụng như một đơn vị "dưỡng quân" nữa. Chiến thuyền *Espérance* đã đóng một vai trò "chiếm đóng" và "bình định" cả một vùng địa phương rộng lớn. Vì tầm quan trọng về mặt chiến thuật, chiến lược như vậy, cho nên bằng mọi giá, lực lượng nghĩa quân phải phá chiến thuyền ấy cho bằng được. Để lấy lòng tin của quân Pháp, Cai Tổng Hồ Quang Minh tỏ sự "cúc cung tận tụy" ra mặt, tích cực cộng tác với Pháp. Được thuyền

trưởng là Trung úy Parfait tin cẩn, một ngày nọ Cai Tổng Hồ Quang Minh cùng Hương Lý Nhựt Tảo đến "bái kiến" trung úy Parfait và "thăm" chiến thuyền. Ông nêu ý kiến, tàu quá lớn và cao, lại thêm bọc sắt, trời miền Nam quá nóng nực, dễ gây bệnh thời khí, nên làm mái lá dừa che cho mát. "Chúa tàu" khen phải, cho thực hiện công tác ngay. Cai Tổng Hồ Quang Minh xin lãnh công tác này và giới thiệu "ông Năm thợ mộc" lên tàu dựng cột, lợp mái. Ông thợ mộc này chính là Nguyễn Trung Trực. Em trai ông Cai Tổng là Hồ Quang Chiêu thì hợp tác cùng ông Nguyễn Trung Trực nghiên cứu kế hoạch và chuẩn bị trận đồ "chiếm và đốt" tàu. Nhờ những ngày đóng vai thợ mộc trên tàu. Ông Năm đã am tường tình hình: quân số, vũ khí, cách bố phòng, thói quen của vị thuyền trưởng và các sĩ quan, cũng như giờ giấc đi "ca" và đi "càn" (tảo thanh) các vùng phụ cận. Bọn quân Pháp rất thích thú với mái nhà lợp bằng lá dừa trên tàu, vừa "ngồ ngồ" lại vừa khỏe người", ban ngày nắng chang chang khỏi phải xuống hầm tàu.

Giờ lịch sử đã điểm, sáng ngày 11 tháng 12 năm 1861 (nhằm tháng 11 năm Tân Dậu), một toán nghĩa quân làm kế nghi binh kéo về Kênh Hóng thuộc xã Bình Lăng, gióng trống khua chiêng để như bọn thủy binh Pháp. Viên sĩ quan chỉ huy hôm đó quả mắc mưu, bèn cất cử một đại bộ binh lính, rời tàu để đi càn quét nghĩa quân gây loạn. Vào lúc gần trưa, lính Pháp trên tàu chỉ còn lại một số nhỏ. Phía nghĩa quân được điều động đi phá tàu dưới quyền chỉ huy của ông Nguyễn Trung Trực, cả nam lẫn nữ đi trên hai chiếc ghe giả danh và nguy trang là "đám cưới quê đi rước dâu". Hai ghe ghé sát tàu xin *peç-mi* (giấy phép) di chuyển sang bên kia địa phương để rước dâu. Đóng vai chú rể là Nguyễn Trung Trực, trong người thủ sẵn một chiếc búa thau nặng năm cân tạ (khoảng 3 ký lô). Nhon lúc bất ngờ, ông rút búa nện chết tên lính gác tàu mà "chú rể vừa "múa tay, múa chân" năn nỉ xin giấy đi "cưới vợ". Bọn lính Pháp trở tay không kịp, không thể sử dụng súng để bắn trả nên bị tiêu diệt gần hết. Ông Hồ Quang Chiêu thì đã phục sẵn trên bờ với toán nghĩa quân và dân làng Nhựt Tảo, diệt gần trọn bọn lính Pháp đóng trên vòm đối diện với chiến thuyền đậu thả neo. Vừa chiếm xong tàu, ông Nguyễn Trung Trực hạ lệnh nổi lửa đốt tàu. Có nhiều bà con, gia đình nhà cửa cất gần nơi tàu thả neo đã tháo cả phen, vách lá làm "mồi lửa" đốt tàu cho mau. Hơn nữa, tàu lại có mái lá lợp "ngồ ngồ" do ông "Năm thợ Mộc" cất sẵn đó, trời lại nóng bức trưa hôm đó nên lửa "bắt" rất bén! Xoay đi quay lại thì toàn bộ lực lượng Pháp, tàu chiến *Espérance* đã bị "xóa sổ danh bộ!". Sử sách không cho biết số mạng thuyền trưởng Parfait ra sao? Đi họp với quan đầu tỉnh hay quan toàn quyền (?) hoặc giả đi săn bắn gần đâu đó (?). Qua chiến công này, tin tức vang dội tới triều đình Huế. Vua Tự Đức đã mật phong ông chức Đốc Binh trước khi triều đình ký kết với người Pháp hiệp ước Nhâm Tuất 1862 vào năm sau. Thiết nghĩ, nhon đây chúng ta cũng nên ghi một điểm son cho gia đình Cai Tổng Hồ Quang Minh.

Ngoài ra, vào tháng năm 1862, ông Nguyễn Trung Trực còn ghi thêm một công trận nữa là tấn công và tiêu diệt một đơn vị lính Pháp trú đóng đồn tại Thủ Thừa, tỉnh Tân An.

Sau trận Thủ Thừa, ông được thăng chức Thành Thủ Ủy Hà Tiên và chiêu truyền ông phải án binh bất động để chờ ký hiệp ước nghị hòa. Nhưng ông đã không đi nhậm chức, vẫn theo đuổi con đường kháng chiến chống Pháp. Triều đình Huế phải giáng chỉ truyền hai ông Phan Thanh Giản và Trương Văn Uyên thuyết phục ông thêm. Nhưng rồi ông cũng không nghe theo, quyết giữ lập trường kháng Pháp bằng vũ lực.

Chương sử kháng Pháp của sĩ phu miền Nam đầy bi tráng và thật kiêu hùng được tô đậm bằng tên tuổi lẫy lừng của bốn bậc hào kiệt. Trong khoảng thời gian trước sau và nối tiếp nhau -- Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương -- ba vị cùng Nguyễn Trung Trực tạo thành "Tứ Hùng Nam Bộ" tung hoành khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Sau khi được hung tin vị cận tướng Lâm Quang Ky vì mình mà hy sinh, và mẫu thân bị bọn Pháp cầm cố, ông Nguyễn Trung Trực ruốt thắt, lòng đau vô ngần. Sau nhiều ngày đêm suy tính, lượng định tình thế và thực lực, nhận thấy không nên kéo dài thêm tình trạng tuyệt vọng, ông Nguyễn Trung Trực quyết định ra đầu hàng. Ông triệu tập nghĩa quân lại truyền:

Các bạn hãy tìm cách phân tán, chờ tin tôi ”chết” sau khi đánh đổi lấy sự phóng thích cho mẹ già; dân hải đảo Phú Quốc vô tội, nghĩa quân Kiên Giang kiên cường. Chừng ấy, giặc Pháp sẽ nói rộng vòng kiềm tỏa là cơ hội tốt để các bạn tùy thời tìm lấy sinh lộ hoặc nuôi lấy ý chí tiếp hành công cuộc đại nghĩa. Đừng bao giờ các bạn nghĩ tới chuyện buông xuôi kẻ bất cộng đới thiên! Tên tuổi chúng ta mất hay còn, vinh hay nhục đều do tinh thần và hành động của mình định đoạt!

Vừa dứt lời, tất cả nghĩa quân đều khóc, có người quỳ xuống ôm lấy chân ông xin sống chết cùng ông. Ông sai một nghĩa quân lấy dây trói ông lại nhưng không ai can tâm làm việc này. Cuối cùng, ông và một nghĩa quân từ biệt mọi người và ra đi. Trên đường đi, ông bứt vài cọng dây bông súng biển tự trói lấy để ra về người ra đầu thú. Ông ngồi trên một chiếc xuồng nhỏ do người nghĩa quân đi theo chèo tới chiếc tàu Pháp đang đậu ngoài khơi.

Pháp dùng tên Huỳnh Công Tấn, vốn quen biết ông Nguyễn Trung Trực khi còn phục vụ trong hàng ngũ nghĩa quân của ông Trương Công Định. Tấn khuyến dụ, đổi đãi ông trọng hậu để mong được ông thực tâm quy thuận tân trào, nhưng ông vẫn một mực giữ khí tiết, chỉ yêu cầu Pháp sớm đem ông ra gia hình. Pháp giải ông về Sài Gòn để thẩm vấn thêm, viên Thiêu tướng hải quân Ohier hết lời dụ dỗ ông nhưng vô hiệu, cuối cùng phải đưa ông về Rạch Giá để xử tử.

Ngày 27/10/1868, nhằm ngày 28 tháng 8 năm Mậu Thìn, Pháp đưa ông ra pháp trường tại chợ Rạch Giá để hành quyết. Địa điểm hành quyết ngay tại miếng đất đổi diện ”chợ nhà lồng” Rạch Giá, lúc bấy giờ còn cây da cổ thụ.

Trên miếng đất thấm máu vị anh hùng, sau đó người Pháp xây lên Nhà Giây Thép, về sau là Ty Bưu Điện tỉnh lỵ. Riêng cây da cổ thụ bị đốn đi năm 1947.

Sáng sớm, đồng bào tỉnh nhà đã tề tựu đông đảo để chứng kiến giờ phút vĩnh biệt của người anh hùng. Cảm động nhất là bà con từ Tà Niên -- nơi nổi tiếng về nghề dệt chiếu -- đã mang tới những chiếc *chiếu hoa cạp điều* chọn lọc để trải một đoạn đường mà người anh hùng dân tộc tiến ra pháp trường để thọ án tử. Quân đao phủ hôm ấy là một người Cao Miên, thường được dân Việt gọi là ”bòn” Tura, được người Pháp trả công cho mỗi cái đầu chém rụng một quan tiền. Tương truyền rằng trước khi hành quyết, ông được Pháp hỏi cần ân huệ chót gì không thì ông chỉ xin uống một trái dưa tươi. Uống xong, ông ngâm sang sáng một bài thơ tuyệt mệnh sau đây:

*Thư kiếm từng nhung từ thiếu niên
Yêu gian đấm khí hữu long tuyến
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa
Báo hận thâm cừu bất đới thiên.*

Thi sĩ Đông Hồ, một văn nhân sinh trưởng tại Hà Tiên, dịch:

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài
Anh hùng gặp phải hồi không đất
Thù hận chang chang chẳng đợi trời.*

Rồi đứng lên vén tóc gáy, nghênh cổ bảo tên đao phủ thủ hãy chém lấy một nhát cho thật mạnh để đầu đứt lia, lưỡi đao khỏi bị đục dặc. Theo truyền thuyết, khi lưỡi đao hạ thủ, đầu lia khỏi cổ, nhưng ông vẫn kịp đưa hai tay hứng lấy, đặt lại trên cổ rồi cả thân và đầu mới ngã gục xuống nền đất. Cái đờm khí ấy của ông khiến ai là con người lại không kinh hoàng và cảm phục?

Cử nhân Huỳnh Mẫn Đạt, người Rạch Giá, nguyên Tuần phủ Hà Tiên, một sĩ phu đứng về hàng ngũ chống xâm lăng lúc bấy giờ, đã khóc vị anh hùng bất khuất bằng bài thơ chữ Hán:
Điếu Nguyễn Trung Trực

*Thắng phụ hung trường bất túc luân
Đôi ba chỉ trụ ức ngư dân
Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quý thần
Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa
Lương toàn vô úy báo quân thân
Anh hùng cường cảnh phương danh thọ
Tu sát để đầu vị tử nhân.*

Bản dịch của Thái Bạch:

*Thắng bại chi bàn việc tướng quân
Người chài trụ đá khúc gian truân
Lửa bùng Nhựt Tảo rêm trời đất
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quý thần
Một sớm nhẹ mình nêu tiết nghĩa
Đôi đường trọn chữ báo quân thân
Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi
Lũ sống khom lưng chết thẹn dần.*

Nghĩa khí của người xưa như thế đó!